

Số: 43/BC-THCSYL

Yên Lộc, ngày 18 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Trung học cơ sở Yên Lộc

2. Địa chỉ

Xóm 7, xã Yên Lộc, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình

Số điện thoại: 022.938.62665

Địa chỉ thư điện tử: thcsyenloc@gmail.com

3. Loại hình của cơ sở giáo dục

Trường trung học cơ sở công lập hạng III

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

Sứ mạng: Hành động vì sự tiến bộ của mỗi thành viên để kiến tạo ngôi trường thực sự hạnh phúc.

Tầm nhìn: Luôn tự đổi mới, cập nhật và kế thừa các thành tựu về giáo dục.

Mục tiêu: Hỗ trợ tốt nhất mọi nhu cầu học tập cá nhân, tạo động lực và môi trường làm việc, học tập tốt nhất cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Khuyến khích học sinh học tập trong môi trường mang tính thử thách để các em phát huy hết tiềm năng, bất kể xuất phát điểm và năng lực cá nhân của các em như thế nào.

5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường THCS Yên Lộc nằm trên địa bàn xã Yên Lộc thuộc tiểu khu III của huyện Kim Sơn; được thành lập từ năm 1962 với tên gọi là Trường phổ thông công nông Trung Nhị. Trường được tách ra từ trường phổ thông cơ sở Yên Lộc theo quyết định số 56/QĐ-CT ngày 15/08/1992 của UBND huyện Kim Sơn.

Qua 63 năm xây dựng và trưởng thành, từ một ngôi trường ban đầu có 5 lớp học, hiện nay trường đã có 12 lớp với 471 học sinh. Từ khi thành lập đến nay, trường đã có nhiều năm đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tặng Bằng khen. Tổ chức Đảng trong nhà trường luôn đạt danh hiệu cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh. Công đoàn nhà trường hoạt động có hiệu

quả và được Liên đoàn Lao động tỉnh tặng Bằng khen. Liên Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh là đơn vị xuất sắc trong công tác Đội và phong trào thiếu nhi của huyện Kim Sơn, được Trung ương Đoàn và Tỉnh Đoàn tặng Bằng khen. Trường THCS Yên Lộc đã được UBND tỉnh Ninh Bình công nhận trường THCS đạt chuẩn Quốc gia năm 2011 và công nhận lại năm 2016; đến nay trường THCS đã được kiểm tra công nhận lại đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình; được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2.

Trường có diện tích 5184,5m² đạt bình quân 11m²/HS, với 07 phòng học, 08 phòng học bộ môn, khu hiệu bộ, có đầy đủ khu sân chơi, bãi tập. Các phòng học, phòng bộ môn, các phòng chức năng, trang thiết bị dạy học đáp ứng khá tốt điều kiện giảng dạy và học tập cho giáo viên và học sinh.

Hiện tại nhà trường nhà trường có: 28 cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đó biên chế 28; hợp đồng 01 nhân viên bảo vệ; tỉ lệ nữ là $20/28 = 71,4\%$; Toàn trường có $28/28 = 100\%$ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong biên chế có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó có $3/25 = 12\%$ giáo viên có trình độ trên chuẩn, có $01/03 = 33,3\%$ nhân viên trình độ trên chuẩn.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ Tin học: $28/28 = 100\%$

Cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ Ngoại ngữ: $27/28 = 96,4\%$ (biên chế)

Đảng viên: 21 đ/c; Trình độ lý luận chính trị Trung cấp: 06, sơ cấp: 15.

Giáo viên Giỏi cấp tỉnh: 02 đ/c.

Giáo viên Giỏi cấp huyện: 15 đ/c.

Nhìn chung đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có năng lực chuyên môn vững vàng. Đội ngũ giáo viên, nhân viên của nhà trường thiếu 01 giáo viên bộ môn Lịch sử- Địa lý, 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên thiết bị.

Nhà trường hiện có 12 lớp với tổng số 471 học sinh, Chất lượng trí dục ngày một tăng, tỷ lệ học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS hằng năm đạt 100%; tỷ lệ HS thi đỗ vào lớp 10 các trường THPT công lập đạt trên 80%. Nhà trường có nhiều học sinh đạt giải trong các hội thi TDTT và Hội khỏe Phù Đổng cấp huyện, cấp tỉnh.

Nguồn tài chính đảm bảo cho nhà trường hoạt động thường xuyên gồm: Nguồn ngân sách Nhà nước cấp như lương, phụ cấp theo lương, được chi trả theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý tài chính. Nguồn kinh phí từ nguồn thu học phí được thu đúng, đủ và đảm bảo nguyên tắc tài chính. Nguồn kinh phí thu hợp pháp khác từ xã hội hoá giáo dục được nhà trường thu đúng, sử dụng đúng mục

đích, góp phần hỗ trợ hoạt động dạy học và các hoạt động giáo dục khác. Việc lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính được thực hiện đúng chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước. Mỗi học kỳ, công khai tài chính tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong Hội đồng nhà trường và niêm yết trên bảng tin dưới sự giám sát của Ban thanh tra nhân dân, Hội đồng trường.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

Thông tin người đại diện pháp luật:

Bà Dương Thị Thu Hiền

Chức vụ: Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng

Nơi làm việc: Trường THCS Yên Lộc - xóm 7, xã Lai Thành, tỉnh Ninh

Bình

Số điện thoại: 022 938 62665

Địa chỉ thư điện tử: thecsyenloc@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

Có đầy đủ các quyết định về tổ chức bộ máy của nhà trường

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục

Quyết định số: 689/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc xếp hạng đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc UBND huyện Kim Sơn.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường, danh sách thành viên hội đồng trường

Hội đồng trường được thành lập theo quy định tại Điều 10 của Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Hội đồng trường trường THCS Yên Lộc được kiện toàn lại theo Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 của UBND huyện Kim Sơn gồm 9 thành viên do Bà Dương Thị Thu Hiền- Hiệu trưởng nhà trường là Chủ tịch Hội đồng trường (theo QĐ số 5698/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của UBND huyện Kim Sơn), bà Phạm Thị Thu Hà là thư ký. Các thành viên còn lại của Hội đồng trường gồm: Đại diện địa lãnh đạo phương Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, tổ trưởng tổ KHTN, tổ trưởng tổ KHXH, tổ trưởng tổ Văn phòng, đại diện phụ huynh và đại diện học sinh.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

Trường THCS Yên Lộc là trường hạng III, trường có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng.

Quyết định điều động bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 7993/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND huyện Kim Sơn về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS Yên Lộc.

Quyết định điều động bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 6376/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của UBND huyện Kim Sơn về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Yên Lộc.

Quyết định điều động bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định 6377/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của UBND huyện Kim Sơn về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Yên Lộc

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- Quy chế tổ chức và hoạt động:

+ Cơ cấu tổ chức: Hội đồng trường; Hiệu trưởng; Phó Hiệu trưởng; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng kỷ luật; Tổ tư vấn tâm lý cho học sinh và công tác xã hội trong trường học; Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; Tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Tổ chức Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ Chuyên môn; tổ Văn phòng; lớp học sinh

+ Hoạt động: Thực hiện Chương trình giáo dục và kế hoạch giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

+ Chức năng: Thực hiện dạy học, giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chức năng khác theo quy định của pháp luật.

+ Nhiệm vụ: Thực hiện dạy học, giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chức năng khác theo quy định của pháp luật.

+ Quyền hạn: Thực hiện Chương trình giáo dục và kế hoạch giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Tổ chức bộ máy: Tổ chức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chức năng khác theo quy định của pháp luật.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có)

Không có

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Bà Dương Thị Thu Hiền
Chức vụ: Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng
Nơi làm việc: Trường THCS Yên Lộc - xóm 7, xã Yên Lộc, huyện Kim
Sơn, tỉnh Ninh Bình

Số điện thoại: 0976063702

Địa chỉ thư điện tử: huonghien70@gmail.com

+ Nhiệm vụ: Thực hiện dạy học, giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chức năng khác theo quy định của pháp luật.

+ Trách nhiệm: Thực hiện Chương trình giáo dục và kế hoạch giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Chiến lược phát triển nhà trường
- Quy chế dân chủ ở cơ sở
- Quy định về quản lý tài sản công
- Quy chế thi đua khen thưởng
- Quy chế làm việc

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

- Cán bộ quản lý

TT	Chức vụ	Số lượng		Đảng viên	Trình độ				So với nhu cầu	
		T.số	Nữ		>ĐH	ĐH	CD	Khác	Thừa	Thiếu
1	Hiệu trưởng	01	01	01		01				
2	Phó hiệu trưởng	02	0	02	01	01				
Tổng số		03	01	03	01	02				

Ban lãnh đạo nhà trường năng động, nhiệt tình, trách nhiệm, có năng lực quản lý, điều hành công việc một cách khoa học, sáng tạo; thường xuyên quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh.

- Về đội ngũ giáo viên:

TT	Bộ phận	Số lượng		Đảng viên	Số nhân viên						So với nhu cầu	
					Biên chế	Hợp đồng (Kiêm nhiệm)	Trình độ				Thừa	Thiếu
		T.số	Nữ				ThS	ĐH	CD	Khác		
4	Thiết bị											1
5	Y tế	1		1	1					1		
6	Bảo vệ	1				1				1		
Tổng số		4	2	2	3	1		1	0	3		2

b) Điểm yếu

- Một bộ phận nhỏ giáo viên chưa có trách nhiệm cao khi tham gia dạy bồi dưỡng học sinh giỏi. Thiếu biên chế vị trí Nhân viên thiết bị, thư viện và giáo viên Tổng phụ trách chuyên trách, 01 GV môn Lịch Sử- Địa lý.

- Do thiếu nhân viên phụ trách thiết bị, thư viện nên gặp khó khăn trong việc chuẩn bị thiết bị dạy học.

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

Năm học 2024-2025 nhà trường có: 28 cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB,GV,NV); hợp đồng 01 nhân viên bảo vệ, tỉ lệ nữ là $22/28 = 78,6\%$; Toàn trường có $28/28 = 100\%$ cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB,GV,NV) trong biên chế có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó có $2/28 = 7\%$ giáo viên có trình độ trên chuẩn, có $01/03 = 33\%$ nhân viên trình độ trên chuẩn.

03/03 cán bộ quản lý đạt chuẩn và trên chuẩn nghề nghiệp

22/22 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

CB,GV,NV có trình độ Tin học: $28/28 = 100\%$

CB,GV,NV có trình độ Ngoại ngữ: $27/28 = 96,4\%$ (biên chế)

Đảng viên: 22 đ/c; Trình độ lý luận chính trị Trung cấp: 06, sơ cấp: 16.

Giáo viên Giỏi cấp tỉnh: 02 đ/c.

Giáo viên Giỏi cấp huyện: 13 đ/c.

Nhìn chung đội ngũ CB, GV, NV có năng lực chuyên môn vững vàng. Đội ngũ giáo viên của nhà trường thiếu giáo viên bộ môn Lịch sử - Địa lý, 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên thiết bị.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

28/28 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định đạt tỉ lệ 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Trường THCS Yên Lộc được quy hoạch khoa học, có khuôn viên riêng biệt được UBND tỉnh Ninh Bình cấp phép sử dụng đất lâu dài. Trường có tường bao, cổng trường, biển trường và xây dựng được môi trường xanh, sạch, đẹp theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Nhà trường có khối phòng học thông thường đủ mỗi lớp một phòng, có các phòng học bộ môn, phòng chức năng, các phòng phụ trợ, đáp ứng yêu cầu dạy và học. Nhà trường còn có phòng thiết bị, nhà kho để bảo quản trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh, phòng Y tế học đường. Thư viện của nhà trường được công nhận là: “Thư viện Tiên Tiến”. Trang thiết bị giáo dục phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của GV và HS được trang bị đầy đủ theo từng môn học. Nhà trường có khu sân chơi, bãi tập, khu nhà để xe của GV và HS, khu vệ sinh riêng của GV và HS, có các công trình nước sạch đáp ứng đủ nhu cầu cho sinh hoạt toàn trường.

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Năm học 2024-2025, Trường có diện tích 5.184 m² đạt bình quân 5.184 /471 HS =11 m²/HS

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định đạt: 11 m²/HS. Đảm bảo theo yêu cầu tối thiểu theo quy định.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

Khối phòng hành chính quản trị: Nhà trường có 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó hiệu trưởng, 01 văn phòng, 01 phòng Y tế, 02 phòng tổ chuyên môn (tổ KHTN và tổ KHXX); 01 phòng tổ văn phòng; 01 phòng Công đoàn; 01 phòng Tư vấn học đường, 01 phòng Bảo vệ. Các phòng ban phần lớn là nhà cao tầng kiên cố, có đủ trang thiết bị đáp ứng các yêu cầu phục vụ các hoạt động hành chính và quản trị của nhà trường

Nhà trường có 01 khu nhà để xe của GV và 01 khu nhà để xe của HS. Nhà để xe cho CB, GV, NV và để xe của HS được xây dựng có nền bê tông, được lợp bằng mái tôn, phân chia theo các lớp, bố trí hợp lý, an toàn. Các em HS để xe ngăn nắp gọn gàng

Khối phòng học tập: Nhà trường có 7 phòng học, mỗi phòng có diện tích 54m² và 08 phòng bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi phục vụ cho việc học tập của HS nói chung và HS khuyết tật học hòa nhập nói riêng. Nhà trường còn có một phòng hỗ trợ tư vấn tâm lý cho HS Khối phụ trợ và Khu sân chơi, thể dục thể thao đảm bảo theo yêu cầu

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

Nhà trường đã trang bị tương đối đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác như: Bàn ghế phòng họp, bàn ghế làm việc trong các phòng hành chính-quản trị, tủ đựng tài liệu, máy vi tính, máy in, thiết bị âm thanh. Các thiết bị trên đều hoạt động tốt, phục vụ các hoạt động của nhà trường

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 6 TRƯỜNG THCS YÊN LỘC, HUYỆN KIM SƠN

TT	Môn (HDGD)	Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 6	Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Đại học Sư phạm
3	Khoa học tự nhiên 6	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên, kiêm Chủ biên), Phạm Thị Hương, Trần Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Nhi, Trần Ngọc Thắm	Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên), Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Đào Ngọc Hùng (đồng Chủ biên), Vũ Thị Hằng, Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Lê Huỳnh, Trần Thị Hồng Mai, Hoàng Anh Tuấn, Phí Công Việt	Giáo dục Việt Nam

5	Tin học 6	Kết nối tri thức với cuộc	Nguyễn Chí Công, Hà Đăng Cao Tùng, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai	Giáo dục Việt Nam
6	Công nghệ 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Cẩm Tú	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Trịnh Thị Oanh, Cao Sỹ Anh Tùng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ thuật 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng Chủ biên), Phạm Thị Chinh, Phạm Minh Phong (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị May, Đoàn Dũng Sĩ	Giáo dục Việt Nam
9	Giáo dục thể chất 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Duy Quyết (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Việt Hoàn, Nguyễn Mạnh Toàn (đồng Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Bình, Nguyễn Xuân Đoàn, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Đỗ Mạnh Hưng, Lê Chí Nhân, Phạm Hoài Quyên, Phạm Mai Vương	Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6	Chân trời sáng tạo	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên), Trần Minh Hoàng, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Lại Thị Yên Ngọc, Vũ Thanh Thủy, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam

11 11	Giáo dục công dân 6	Cánh Diều	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hoài, Nguyễn Thúy Quỳnh, Mai Thu Trang	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
12	Tiếng Anh 6	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang	Giáo dục Việt Nam

(Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 6)

**DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 7
TRƯỜNG THCS YÊN LỘC, HUYỆN KIM SƠN**

TT	Tên sách	Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 7 Tập 1	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Đại học Sư phạm
	Toán 7 Tập 2	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Đại học Sư phạm
2	Khoa học tự nhiên 7	Chân trời sáng tạo	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Trần Bảo Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam
3	Tin học 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công, Hà Đăng Cao Tùng, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai	Giáo dục Việt Nam
4	Công nghệ 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đồng Huy Giới Chủ biên), Cao Bá	Giáo dục Việt Nam

			Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thị Thu Hương, Kim Văn Vạn.	
5	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 7	Chân trời sáng tạo	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Trần Bảo Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam
6	Ngữ văn 7 Tập 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tổng chủ biên: Bùi Mạnh Hùng Chủ biên: Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Kim Hoa, Dương Tuấn Anh, Nguyễn Linh Chi	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 7 Tập 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tổng chủ biên: Bùi Mạnh Hùng Chủ biên: Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Kim Hoa, Dương Tuấn Anh, Nguyễn Linh Chi	Giáo dục Việt Nam
7	Tiếng Anh 7	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang	Giáo dục Việt Nam
8	Lịch sử và Địa lí 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên phần Địa lí), Hà Bích Liên (Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Thị Bình (Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trà My, Mai Thị Phú Phương, Nguyễn Kim Tường Vy, Hà Văn Thắng, Nguyễn Hữu Bách, Huỳnh Phạm Dũng Phát, Phan Văn Phú, Nguyễn Thị Kim Liên, Vũ Thị Bắc, Phạm Đỗ Văn Trung	Giáo dục Việt Nam
9	Giáo dục công dân 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Dung, Nguyễn Thị Thọ	Giáo dục Việt Nam

10	Âm nhạc 7	Kết nối Tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Trịnh Thị Oanh, Cao Sỹ Anh Tùng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Duy Quyết (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Việt Hoàn, Nguyễn Mạnh Toàn (đồng Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Bình, Nguyễn Xuân Đoàn, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Đỗ Mạnh Hưng, Lê Chí Nhân, Phạm Hoài Quyên, Phạm Mai Vương	Giáo dục Việt Nam
12	Mĩ thuật 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng chủ biên), Đoàn Mỹ Hương P (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Vũ Thị Thanh Hương	Giáo dục Việt Nam

(Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 7)

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 8
TRƯỜNG THCS YÊN LỘC, HUYỆN KIM SƠN

TT	Môn	Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 8 Tập 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn	Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 8, Tập 2		Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Minh Thương.	

TT	Môn	Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
2	Toán 8, Tập 1	Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Đại học Sư phạm
	Toán 8, Tập 2		Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức	
3	Tiếng Anh 8	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Nguyễn Thụy Phương Lan, Trần Thị Hiếu Thủy	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục công dân 8	Cánh Diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thuý Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang	Đại học Huế
5	Lịch sử và Địa lí 8	Kết nối tri thức và cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Trịnh Đình Tùng (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam

TT	Môn	Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
6	Khoa học tự nhiên 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Vũ Trọng Rỹ (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Xuân Thành, Bùi Gia Thịnh. Nguyễn Thị Thuần, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyền, Nguyễn Văn Vịnh	Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Thị Ngọc Thúy	Giáo dục Việt Nam
8	Tin học 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Hoài Nam	Giáo dục Việt Nam
9	Giáo dục thể chất 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng; Nguyễn Thành Trung	Giáo dục Việt Nam
10	Âm nhạc 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long (Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam
11	Mĩ thuật 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương.	Giáo dục Việt Nam

TT	Môn	Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8	Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng Chủ biên), Lại Thị Yến Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam

(Danh mục gồm 12 bộ sách giáo khoa lớp 8)

**DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 9
TRƯỜNG THCS YÊN LỘC, HUYỆN KIM SƠN**

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tổ chức, cá nhân (NXB)
1	Ngữ văn 9 Tập 1 (Kết nối TT&CS)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Minh Thương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 9 Tập 2 (Kết nối TT&CS)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 9 Tập 1 (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	CT Cổ phần đầu tư TBGDVN (VEPIC)
	Toán 9 Tập 2 (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	CT Cổ phần đầu tư TBGDVN (VEPIC)
3	Tiếng Anh 9 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

4	Khoa học tự nhiên 9 (Kết nối TT&CS)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền, Đinh Đoàn Long (đồng Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Tưởng Duy Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Trần Văn Kiên, Đường Khánh Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Thị Thuần.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 9 (Kết nối TT&CS)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 9 (Cánh Diều)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thúy Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang, Trần Văn Thắng.	CT Cổ phần đầu tư TBGDVN (VEPIC)
7	Âm nhạc 9 (Kết nối TT&CS)	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ thuật 9 (Kết nối TT&CS)	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 9 (Kết nối TT&CS)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp (Kết nối TT&CS)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Phạm Mạnh Hà (Chủ biên), Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

	Công nghệ 9 - Mô đun Trồng cây ăn quả (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Bùi Thị Thu Hương, Đào Quang Nghị.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 9 (Kết nối TT&CS)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chân Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 9 (Chân trời sáng tạo 1)	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Lại Thị Yên Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

(Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 9)

- Nhà trường có mỗi khối 01 bộ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 38/2021/TT-BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS. Cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

- Kế hoạch tự đánh giá: Đạt mức độ 2.
- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Năm học 2021-2022: Kế hoạch số 112A/KH-THCSYL ngày 22/10/2021 của Trường THCS Yên Lộc về cải tiến chất lượng năm học 2021-2022.

Năm học 2022-2023: Kế hoạch số 63B/KH-THCSYL ngày 05/10/2022 của Trường THCS Yên Lộc về cải tiến chất lượng năm học 2022-2023.

Năm học 2023-2024: Kế hoạch số 69A/KH-THCSYL ngày 20/10/2023 của Trường THCS Yên Lộc về cải tiến chất lượng năm học 2023-2024.

Năm học 2024-2025: Kế hoạch số 95A/KH-THCSYL ngày 01/11/2024 của Trường THCS Yên Lộc về cải tiến chất lượng năm học 2024-2025.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

- Kết quả đánh giá ngoài: Đạt mức độ 2

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm

Năm học 2022-2023: Kế hoạch số 63B/KH-THCSYL ngày 05/10/2022 của Trường THCS Yên Lộc về cải tiến chất lượng năm học 2022-2023. Kế hoạch số 30A/KH-THCSYL ngày 23/5/2023 của Trường THCS Yên Lộc về điều chỉnh Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030.

Năm học 2023-2024: Kế hoạch số 69A/KH-THCSYL ngày 20/10/2023 của Trường THCS Yên Lộc về cải tiến chất lượng năm học 2023-2024. Kế hoạch số 59A/KH-THCSYL ngày 03/6/2024 của Trường THCS Yên Lộc về điều chỉnh Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030.

Năm học 2024-2025: Kế hoạch số 95A/KH-THCSYL ngày 01/11/2024 của Trường THCS Yên Lộc về cải tiến chất lượng năm học 2024-2025. Kế hoạch số 40/KH-THCSYL ngày 30/5/2025 của Trường THCS Yên Lộc về điều chỉnh Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030.

- Kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài hằng năm.

Thực hiện hoàn thành Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài hằng năm.

- Kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm .

Phấn đấu hoàn thành Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

a1) Kết quả tuyển sinh lớp 6

Khối	Kết quả tuyển sinh	
	Năm báo cáo (2025-2026)	Năm trước liền kề (2024-2025)
Khối 6	151	127
Tổng	151	127

Kết quả tuyển sinh lớp 6 năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

Tổng số học sinh dự tuyển: 127

Trong đó:

+ Số học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học năm học 2023-2024: 127

+ Số học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học các năm học trước: 0

+ Số học sinh đúng tuyển: 124

- + Số học sinh trái tuyến: 03
- + Số học sinh nam: 62 . Số học sinh nữ: 65
- + Số học sinh là con dân tộc thiểu số: 01
- + Số học sinh là con TB, BB: 0.
- + Số học sinh khuyết tật: 03
- + Con mồ côi cả cha và mẹ: 0

a2) Tổng số học sinh theo từng khối

Khối	Năm báo cáo (2025-2026)					Năm trước liền kề (2024-2025)				
	Bình quân/lớp	Học 2 buổi/ngày	Số nam/nữ	Dân tộc thiểu số	HS khuyết tật	Bình quân/lớp	Học 2 buổi/ngày	Số nam/nữ	Dân tộc thiểu số	HS khuyết tật
6	50,3	151	80/71	01	04	41		59/64	01	03
7	40	120	55/65	01	05	46,3		65/74	01	02
8	46	138	65/73	01	02	37,7		55/58	0	01
9	38	114	57/57	0	03	32		48/48	01	0
Tổng	43,6	523	257/266	03	14	39,3		227/244	03	06

Cụ thể số học sinh năm học 2024-2025 như sau:

Khối	Kế hoạch đầu năm			Hiện có				Lý do tăng giảm					
	TS lớp	HS		TS lớp	HS		% Nữ	So với đầu năm			Lý do tăng, giảm		
		TS	Nữ		TS	Nữ		Tăng	Giảm		Chuyển	Bỏ học	Lý do khác
									TS	Nữ			
6	3	124	65	3	123	64	52,0	0	1	1	1	0	0
7	3	140	74	3	139	74	53,2	0	1	0	1	0	0
8	3	114	59	3	113	58	51,3	0	1	1	1	0	0
9	3	96	49	3	96	48	50,0	0	0	0	0	0	0
Tổng	12	474	246	12	471	244	51,8	0	3	2	3	0	0

a3) Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường

Khối	Năm báo cáo (2025-2026)		Năm trước liền kề (2024-2025)	
	HS chuyển trường	Tiếp nhận HS	HS chuyển trường	Tiếp nhận HS
6	1	0	01	0

7	3	1	01	0
8	1	0	01	0
9	1	2	0	0
Tổng	6	3	03	0

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

b1) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo

** Xếp loại hạnh kiểm/kết quả rèn luyện của học sinh năm học 2024-2025*

Danh mục	Tổng số HS Tham gia XL	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2023-2024	458	438	95,63	18	3,93	2	0,44	0	0
2024-2025	471	458	97,24	13	2,76	0	0	0	0
Tăng/Giảm Năm trước	+13	+20	+1,61	-5	-1,17	-2	-0,44	0	0

** Xếp loại học lực/kết quả học tập của học sinh năm học 2024-2025*

Danh mục	Tổng số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2023-2024	458	107	23,36	183	39,96	164	35,81	4	0,87
2024-2025	471	110	23,35	188	39,92	171	36,31	2	0,42
Tăng/Giảm Năm trước	+13	+3	-0,01	+5	-0,04	+7	+0,5	-2	-0,45

** Đánh giá chung về học tập:*

b2) Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp năm học 2024-2025

Khối	Số học sinh		Ghi chú
	Được lên lớp	Không được lên lớp	
6	122	01	
7	139		
8	113		

9	96		Tốt nghiệp THCS
Tổng	470	01	

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Số học sinh được xét tốt nghiệp THCS năm học 2024-2025

Có 96/96 học sinh khối lớp 9 đều được xét công nhận tốt nghiệp THCS, trong đó có 48 em học sinh nữ, 48 em học sinh nam.

- Số học sinh trúng tuyển vào lớp 10 Trung học phổ thông năm học 2024-2025

Tổng số có 86 học sinh dự thi, số học sinh đỗ vào các trường Trung học phổ thông là 72/86 đạt tỷ lệ 83,72%, trong đó học sinh thi đỗ vào Trung học phổ thông Kim Sơn A: 25/26 đạt tỷ lệ 96,15%; 47/60 đỗ vào THPT Kim Sơn C đạt tỷ lệ 78,33%.

* Kết quả điểm thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024-2025:

Chỉ tiêu	Số HS dự thi	Số HS đỗ	Tỷ lệ	TBD bài thi Ngữ văn	TBD bài thi Toán	TBD bài thi Tiếng Anh	Trung bình tổng điểm	Ghi chú
2023-2024	88	73	83	6,605	5,509	4,214	16,264	
2024-2025	86	72	83,72	6,436	6,023	4,351	16,81	
Tăng/Giảm	-2	-1	+0,72	-0,169	+0,514	+0,137	+0,546	

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài).

Nhà trường không có học sinh đang thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. PHẦN THU TỪ HỌC SINH

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Dự kiến mức thu
1	Học Thêm, ôn thi vào lớp 10	đồng	6.000/HS/Tiết	289.536.000
2	Học phí	đồng	57.000/HS/Tháng	242.649.000
3	Dọn vệ sinh	đồng	90.000đ/HS/năm	36.000.000

	Tổng	đồng		577.185.000
Các khoản thu hộ				
1	Bảo hiểm y tế	đồng	486.000đ/năm/hs	208.008.000
2	Bảo hiểm thân thể	đồng	150.000 đ/năm/hs	67.950.000
3	Nước uống tinh khiết	đồng	15.000đ/1HS/1 năm	51.165.000

2. PHẦN THU TỪ NGÂN SÁCH

1	Ngân sách cấp nguồn tự chủ	đồng	6.702.220.400	
2	Ngân sách cấp nguồn không tự chủ	đồng	236.712.800	
	Tổng	đồng	6.938.933.200	

3. PHẦN CHI TỪ CÁC KHOẢN

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Đã chi	
1	Học Thêm, ôn thi vào lớp 10	đồng	289.536.000	
2	Học phí	đồng	242.649.000	
3	Dọn vệ sinh	đồng	36.000.000	
	Tổng		577.185.000	
1	Bảo hiểm y tế	đồng	208.008.000	Thu hộ
2	Bảo hiểm thân thể	đồng	67.950.000	Thu hộ
3	Nước uống tinh khiết	đồng	51.165.000	Thu hộ

4. PHẦN CHI TỪ NGÂN SÁCH

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Đã chi	
1	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	đồng	5.566.860.400	
2	Kinh phí hoạt động	đồng	1.135.360.000	
3	Ngân sách cấp nguồn không tự chủ	đồng	236.712.800	
	Tổng	đồng	6.938.933.200	

5. Ngân sách NN cấp bù, miễn, giảm học phí năm 2024: 6.555.000đ

Tổng chi: 6.555.000đ

6. Ngân sách NN hỗ trợ chi phí học tập năm 2024: 13.500.000đ

Tổng chi: 13.500.000đ

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Kết quả học sinh giỏi

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã tổ chức thi khảo sát chất lượng đầu năm để phân loại học sinh, kết hợp với kết quả học tập của học sinh trong năm học trước để chọn ra học sinh giỏi, thành lập đội tuyển học sinh giỏi các khối lớp; chọn các đồng chí giáo viên có năng lực, có kinh nghiệm, nhiệt tình và trách nhiệm

cao trong công tác để giao nhiệm vụ dạy đội tuyển. Lập thời khóa biểu dạy và học thường xuyên đều đặn theo kế hoạch giáo dục

Kết quả thi học sinh giỏi các môn văn hóa, TDTT,..

TT	Danh mục	Cấp huyện					Cấp tỉnh					Ghi chú
		TS	Nhất	Nhì	Ba	KK	TS	Nhất	Nhì	Ba	KK	
1	2023-2024	33	8	3	6	15	5	1	1	3	0	
2	2024-2025	52	8	14	12	15	3	0	0	1	2	
3	Tăng/Giảm Năm trước	+19	0	+11	+6	0	-2	-1	-1	-2	+2	
4	Học sinh giỏi các môn văn hóa	30	2	7	6	12	2	0	0	0	2	
5	Khoa học KT,STTr	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
6	Tài năng Tiếng Anh	3	0	1		2	0	0	0	0	0	
7	TDTT	18	6	6	6	0	1	0	0	1	0	

- Kỳ thi TDTT cấp huyện có 4 môn dự thi, đoạt 18 giải trong đó gồm: 06 HCV, 06 HCB, 06 HCD. Nhà trường được Phòng GD&ĐT Kim Sơn tặng cờ Cờ Nhì đơn vị có thành tích cao tại Hội thi thể dục thể thao học sinh Tiểu học, THCS năm học 2024-2025.

- Kỳ thi TDTT cấp Tỉnh có 01 môn dự thi, đoạt 01 HCD.

2. Kết quả thi Thể dục thể thao giáo viên

Nhà trường đã thành lập Đội bóng chuyên hơi cán bộ giáo viên, động viên khuyến khích giáo viên tham gia vào các phong trào thể dục thể thao do các cấp tổ chức như cầu lông, bóng bàn,... 02 giáo viên đạt Giải Huy chương đồng nội dung cầu lông đôi nam cấp huyện./.

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo trường;
- Niêm yết công khai tại Website, bảng tin và phòng Hội đồng;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Dương Thị Thu Hiền

